

Tình Người Qua Thiên Thư Vô Ngôn Của Trời Đất

Các nền văn hóa hiện đại dù đang thuộc giai đoạn văn minh nào, nông nghiệp, công nghiệp hay thậm chí hậu công nghiệp, cũng đều không thoát ra ngoài hai loại hình văn hóa cơ bản: văn hóa nông nghiệp và văn hóa du mục.

Văn Hóa Du Mục: Nếp sống du mục dựa vào bạo lực, thường đánh đập la hét sau đàn súc vật, điều động một cách có kỷ luật. Điều này giải thích tính lạnh lùng và khắc nghiệt trong quan hệ giữa người với người ở Trung Quốc và Tây phương. Họ thường chém giết nhau, chiếm đoạt từng vũng nước, vạt cỏ. Từ đó phát sinh tính hiếu chiến, hiếu sát, mạnh được yếu thua theo luật rừng dựa vào sức mạnh nên nảy sinh ra tính thần trọng nam khinh nữ, tư tưởng xâm lăng, độc tài, độc tôn rồi đi đến độc đoán với cái nhìn đoàn lữ, *thiếu hẳn tình người*. Họ coi thường, *chế ngự thiên nhiên để “Kiếm sống”*

Đó là những nét chính của nền văn hóa du mục lúc khởi thủy. Cho đến ngày nay văn minh Trung Quốc và Tây phương vẫn chưa xóa sạch được hết những dấu ấn du mục.

Văn Hóa Nông Nghiệp: Nếp sống nông nghiệp dựa vào *sự hợp quần*, định cư hài hòa trong xóm làng, giúp đỡ lẫn nhau trên đồng ruộng qua tục *đổi công/ vần công* nay người mai ta trong tinh thần có việc thì đến hết việc thì đi, phân công trong công tác, nặng nhọc cho nam, nhẹ nhàng cho nữ, chồng cày vợ cấy... để bảo đảm mùa màng. Cây cối, cây lúa mọc tự nhiên không cần phải đánh đập la hét. Các việc bón phân, làm cỏ đều không cần dụng cụ chạm đến cây, người nông dân chỉ dụng đến cây khi gặt hái.

Lâu dần, từ đó phát sinh tính hiếu hòa - hòa cả làng - và tinh thần hài hòa: coi nhau như bát nước đầy là hơn.

Muốn đạt được hài hòa phải kết hợp (thống nhất) các mâu thuẫn dị biệt (đối lập). Do đó nhân sinh quan của người nông dân trồng lúa nước đặt nền tảng trên sự hài hòa, phối hợp “trời - người - đất”. Mặt khác muốn đạt được hài hòa phải chấp nhận dị biệt - rằng trong lẽ phải có người có ta - nhân sinh quan này bắt nguồn từ vai trò bình đẳng của con người với trời đất trên cõi đời này (Thường Nhược Thủy - Đạo Sống Việt - Tủ Sách Việt Thường, năm 2000, tr 37).

Nếp sống nông nghiệp trồng lúa nước tạo điều kiện thuận lợi cho *tình người nông nản* từ trong gia đình lan ra hàng xóm láng giềng và trên đồng ruộng cũng như ngoài xã hội.

Mặt khác, người nông dân thích nghi hài hòa, hòa hợp với thiên nhiên để xây dựng nếp sống quần cư hài hòa trong xóm làng.

Tri thức thực nghiệm của nông dân Việt căn cứ trên sự quan sát các hiện tượng thiên nhiên - cảm nhận thiên thư vô ngôn của trời đất (thiên nhiên) rồi đem các qui luật vận hành ghi nhận (cảm nhận) được ứng dụng vào những lãnh vực liên hệ đến cuộc sống hàng ngày. Qui luật vận hành của bốn mùa, hướng gió, độ mưa của từng thời kỳ, sắc mây, quang trăng... đã được ứng dụng vào dự báo thời tiết cho nhà nông. Ví thế, cuộc sống của nông dân gắn liền với cuộc sống của thảo mộc và thiên nhiên.

Đây là mối liên hệ mật thiết, tương thông tương cảm đã phản ảnh sâu đậm trong nhân sinh quan của nông dân Việt.

Nói cách khác, người nông dân đem thiên thư vô ngôn của trời đất, tức đem qui luật vận hành ghi nhận (cảm nhận) được ứng dụng vào đời sống hiện thực sinh động của con người. Đây là tụ điểm đầu tiên của nhân loại, con người sống tương thông với thiên nhiên, tình thương và hài hòa phát triển thuận lý theo “thiên thư” vô ngôn của Trời Đất tức theo thiên nhiên (Xem tinh thần thực tiễn trong nền văn hóa Việt, Tủ sách Việt Thường).

Người Việt Nam tìm về nguồn. Nguồn nào? Về tận cội nguồn là thiên thư vô ngôn của trời đất (thiên nhiên); cảm nhận thiên thư vô ngôn của trời đất thì tình người không có hận thù, chiếm hữu, san bằng dị biệt, sự hiểu biết không còn tư dục (trí tuệ) và tình thương không mang nhãn hiệu nào mới bước vào ngưỡng cửa chuyển hóa tâm thức, phát triển tâm linh.

Con người luôn sáng tạo khi trực diện với môi trường sống. Họ có giọng nói riêng, họ biết quan sát, cảm nhận thiên nhiên để mưu sinh, duy trì sự sống trên ruộng đồng dưới sông rạch, ăn vận, phong cách,... hoàn toàn mới.

Chẳng hạn người nông dân miền Bắc và Trung đi vào Nam không mang theo kinh sách Khổng Mạnh, khuôn mẫu khô cứng. Họ đi với tinh thần phóng khoáng và khai phóng, sẵn sàng cảm nhận thiên nhiên (Thiên thư vô ngôn của trời đất) và đón nhận những yếu tố mới của môi trường sinh sống xa lạ.

Họ hòa đồng với các sắc dân để trưởng thành dưới mái nhà Việt Nam. Tất cả đều là dân tộc Việt Nam. Họ biết dung hóa các bản sắc, từ cái ăn, cái mặc, cái ở, từ cái hay cái riêng trở thành cái chung. Thời gian khai phóng không đầy 200 năm.

Từ Bắc vào Nam, họ vận dụng sáng tạo để phát triển và chuyển tải tâm thức dân tộc theo dòng sống sinh động. Cái mà họ trân quý gìn giữ được cho đến ngày hôm nay là gì: đó là tinh thần dân tộc Việt Nam, là tinh thần phóng khoáng và khai phóng, là tình người, là đạo lý thương người như thể thương thân, là tập tục có việc thì đến hết việc thì đi, là hòa cả làng, là trống làng nào làng ấy đánh, thánh làng nào làng ấy thờ... là hòa nhập vào đại thể xây dựng tình người thuận lý theo Thiên Thư Vô Ngôn Của Trời Đất.

Nói cách khác nông dân miền Bắc và Trung đi khai phá tạo dựng miền Nam, họ theo hồn thiêng sông núi, anh linh dân tộc Việt để thể hiện những cảm nhận từ Thiên Thư Vô Ngôn Của Trời Đất ngay trên dòng sống sinh động ở vùng đất xa lạ. Họ không bị chi phối bởi kinh điển, giáo điều.

Họ quan sát, cảm nhận, sáng tạo ngay trên môi trường sống; thiên nhiên đã dạy họ làm ghe làm thuyền lưu thông trên kinh rạch miền Nam, làm đủ thứ để phục vụ con người và đời sống.

Thiên nhiên là ông thầy muôn thuở. Người nông dân Việt Nam cảm nhận để sáng tạo, thích nghi với môi trường sống, trong nhân tính, qua tình người do cảm nhận thiên nhiên - mẹ gà con vịt như dòng nước xuôi về biển cả, họ tham gia đóng góp vào dòng sống của dân tộc. Bản chất trong sáng an nhiên tự tại, thật thà chất phát, xuề xòa, mộc mạc; việc ai người ấy làm, công ai người ấy hưởng, giúp nhau trong cảnh đơn chiếc, thơm thảo chia nhau món ngon vật lạ, giỗ chạp cúng cơm ông bà cha mẹ lối xóm mời nhau, xem lòng thờ cúng tổ tiên như là bổn phận thiêng liêng. Trong cảnh sống hợp quần đậm đà tình láng giềng hàng xóm qua việc vân công, đổi công, qua giáo dục nhân bản tâm linh, họ duy trì được bản chất thuần phác của người nông dân, họ thuật chuyện, kể chuyện suy ngẫm cái nghe cái thấy chẳng bao giờ tận. Dưới mái gia đình đầm ấm đầy tình người của người dân quê mộc mạc với cơm trắng cá trôn, món ăn đơn sơ bữa cơm vẫn đậm đà hương vị tình người. Đó là viên ngọc quý trên đường Nam tiến của dân tộc Việt. Tổ tiên đã truyền cho chúng ta cách tìm ngọc trong đá; việc còn lại của con cháu là biết chuyển hóa tâm thức để sống an nhiên tự tại mà thôi.

Với tâm hồn trong sáng, hồn nhiên tự tại con người từ cảnh mùng trời chiếu đất, với đôi bàn tay và khối óc họ biến đổi môi trường sống cho thích hợp, tạo dựng nếp sống quần cư hài hòa, trong tinh thần nhân bản, nhân chủ qua lăng kính trí tuệ và tình thương với định hướng tiến trình biến-hóa, thăng hoa cuộc sống trong tương tất vừa cả tinh thần lẫn vật chất, để tiếp tục tiến mãi trong xã hội con người, hài hòa với con người và con người, tương thông với thiên nhiên, hòa cùng vũ trụ. Họ kiến tạo nên sự mâu nhiệm của nguồn sống trên tính người và qua tình người để từ đó không diễn đạt nào chân xác cho bằng ý nghĩa “ý dân là ý trời” vì con người khám phá đến đâu thiên nhiên mở rộng đến đó, nó là thành quả của tiến trình làm người “sống - làm - biết”, “biết - làm - sống”, không van xin hay không do ai ban phát. (Xem Tinh thần thực tiễn trong nền văn hóa Việt - Tủ Sách Việt Thường).

Xuất phát từ nếp sống quần cư hài hòa trong xóm làng, quần tụ qui mô hơn trong nhân quần xã hội, đất nước và dân tộc được hình thành, nên trong cái tương đối “trong lẽ phải có người có ta” đã nuôi dưỡng và phát triển được nguyên tắc “phép vua thua lệ làng”, mang tính dân chủ và dung hợp được tự do và bình đẳng. Con người nối tiếp nhau qua truyền thống giáo dục nhân bản tâm linh của gia đình, họ nuôi dưỡng được hoài vọng kiến tạo một hệ thống giáo dục thực dụng, hiện thực và nhân bản, giúp mọi người có một tiêu chuẩn tương quan trên tình người. Trao đổi hiểu biết, kinh nghiệm thực tiễn kích thích và trường dưỡng tình người với

nhau, khi con người tương thông và hòa đồng được với thiên nhiên lúc đó tình nhân loại sẽ như những dòng sông “tình người” cùng đổ về biển cả bao la của vũ trụ: Đạo lý của dân tộc Việt Nam là “*thương người như thể thương thân*”

*Trăm năm bia đá thì mòn
Ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ.*

Cho nên tổ tiên ta không đúc bia hay tạc tượng cho việc trăm năm mà chuyển tải cho con cháu bằng phương tiện ngàn năm, phương tiện đó nằm sẵn trong con người không phân biệt giai cấp, màu da, chủng tộc... đó là tình người. Cụ thể hóa, để chúng ta có thể cảm thông hòa mình vào nguồn sống sinh động của dân tộc qua sự so sánh ba mối tình Roméo, Lương Sơn Bá, Trương Chi. Tiên nhân đã dẫn dắt qua câu chuyện Trương Chi - Mị Nương có thể hư cấu, nhưng căn bản và tiến trình của nó là biến, hóa, thăng hoa và hòa đồng trên tính người và tình người trong quá trình giáo dục nhân bản tâm linh của nòi giống Việt lại là hiện thực.

Trong con người có thiên nhiên và trong thiên nhiên cũng có con người. Thời khắc vận hành thiên nhiên có ngày đêm sáng tối; xuân, hạ, thu, đông. Đời người cũng có buổi bình minh, lúc tráng niên, bóng xế chiều, khoảnh khắc sống ngắn ngủi so với sự thường hằng. Mỗi mím nụ cười khoan thai nhìn sự bắt đầu hình thành của đàn con cháu. Cuộc sống hôm nay là cuộc sống của người lớn những năm tháng đã qua, đó là chu kỳ lặp lại của cuộc sống con người. Trai tơ, gái lứa đang độ xuân thời, kết hợp nên duyên thành vợ chồng, xứng đôi vừa lứa, ai cũng mừng khen. Gây dựng gia đình lành mạnh, quân bình tinh thần và vật chất. Thuận vợ thuận chồng tát biển đông cũng cạn.

Có được hình ảnh đẹp như vậy ngày hôm nay âu cũng là do sự truyền thừa từ đời cha qua đời con. Chồng khôn vợ khéo, hạnh phúc gia đình, phân công, hòa thuận, đầm ấm, yếu tố sinh lý đóng vai trò quyết định là phần lớn để duy trì sinh lực cho gia đình. Biết dùng “tinh thần mình mẫn trong thân thể tráng kiện”, tức là đi theo lưu thông hai chiều: tinh thần mình mẫn, sáng suốt giữ gìn thể lực được sung mãn, thể lực mạnh mẽ năng động sẽ có tinh thần sản khoái, vui vẻ yêu đời. Từ việc ăn uống đến sinh hoạt các cái điều độ và thích đáng là điều cần thiết “bệnh từ miệng vô, họa từ miệng ra” hay là sự cần thiết của sự chừa mực. Khi khí lực sung mãn của thể xác hòa hợp nhau với tâm hồn lành mạnh qua giáo dục tiền thai nhi và thai giáo sẽ tạo ra những đứa con thông minh, khẩu khỉnh, đem nguồn vui và hạnh phúc đến cho gia đình, trên nền tảng của giáo dục nhân bản tâm linh: học ăn, học nói, học gói, học mở (Xem Dưỡng Sinh Y Đạo Thái Hòa - Tủ Sách Việt Thường).

Tất cả nằm ở hiện tiền ngay trong đời sống, trai gái như đũa có đôi, bù đắp cho nhau từ tinh thần đến thể xác (hôn nhân bình đẳng). Khi có trách nhiệm làm cha làm mẹ, sự trông cậy nương tựa nhau quả là rõ nét. Vai trò người mẹ trong giáo dục nhân bản tâm linh Việt đã là phần chánh yếu, trong thời thai nghén cũng là thời thai giáo, bằng tình người trong sáng, lòng thương con dào dạt, 9 tháng 10 ngày mẹ cảm nhận thiên thư vô ngôn của Trời Đất (thiên

nhiên) từng giây phút rồi truyền qua con ngay trong mọi sinh hoạt hay suy tư của mình. Mẹ đem con ra cuộc sống bằng tất cả thương yêu trìu mến của lòng mẹ. Để tạo được sự thích đáng cao quý này, người cha với sự khôn ngoan tháo vát của mình, đã làm chỗ tựa cho vợ con tức là vận dụng được sự thuận tình thuận lý của cuộc sống, có tương quan hòa quyện vào nhau, đóng góp vào sự cường tráng của một giống nòi

Tư tưởng Biến - Hóa - Thăng Hoa - Hòa Đồng đã được ông cha ta gói ghém trong các truyện Tiên Rồng, Trầu Cau, Trọng Thủy - Mị Châu, Trương Chi - My Nương để trao truyền cho con cháu là “hành trang” là quá trình của cuộc cách mạng tâm linh, cuộc chuyển hóa tâm thức.

Ông Krisnamurti đi khắp thế giới, trên 60 năm, khẩn thiết kêu gọi phát động một cuộc cách mạng triệt để trong tâm thức con người, một cuộc chuyển hóa thật sự về toàn bộ cơ cấu tâm lý con người.

Đức Đạt Lai Lạt Ma cũng đang tiếp tục khẩn thiết kêu gọi phát động cuộc cách mạng tâm linh: cần phải có một cuộc cách mạng, chắc chắn là thế. Nhưng không phải cách mạng chính trị, kinh tế, hoặc ngay cả kỹ thuật. Chúng ta đã có quá đủ kinh nghiệm của các thứ trên trong thế kỷ qua để hiểu biết rằng, một khuynh hướng ngoại diện không thể nào đầy đủ. Điều tôi đề xướng là một Cuộc Cách Mạng Tâm Linh (Đức Đạt Lai Lạt Ma - Đạo Lý Cho Thiên Kỷ Mới, NXB Văn Nghệ, năm 1999. Chuyển ngữ Linh Thụy, trang 31).

Đã đến lúc người Việt Nam tự ý thức trở về với chính mình “*trăm hay là xoay vào lòng vì ngọn đèn được tỏ trước khêu bởi mình*” tự hiểu mình với nếp sống tỉnh thức qua quá trình học ăn, học nói, học gói, học mở (truyền thống giáo dục nhân bản tâm linh), trong việc thực hiện cuộc chuyển hóa tâm thức, **chọn lựa người bạn đời** với tình yêu chân thật, xây dựng gia đình lành mạnh, êm ấm, hòa thuận tạo ra những đứa con được gieo trồng hạt giống tình thương, từ thời thai giáo, qua hóa trình giáo dục nhân bản tâm linh, để cải tạo toàn triệt xã hội ngõ hầu cùng nhau chung sống hài hòa trong thanh bình thịnh vượng, tiến tới xây dựng nền văn minh nhân bản chan chứa tính người và tình người. Đó cũng là xu hướng tất yếu mà loài người đang hướng tới.

Vĩnh Như
Võ Văn Thành
Tủ Sách Việt Thường
www.tusachvietthuong.org